

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thanh Nguyên;
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm , tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Neàng M, sinh năm 1990, cư trú: tổ 06, ấp SL, xã LPi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Chau My R, sinh năm 1978, cư trú: tổ 06, ấp SL, xã LPi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Chau Sông, Phó ban ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06 tháng 3 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Neàng M trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Chau My R được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà anh My R, trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau,

không có hạnh phúc nên bà Neàng M bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2008 và cũng ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì từ khi ly thân đến nay cả hai không tạo điều kiện gặp gỡ để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, bà Neàng M yêu cầu được ly hôn với ông Chau My R.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Chau R, sinh ngày 09-02-2004 và Chau C, sinh ngày 26-5-2005. Hiện do bà Neàng M nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Chau My R cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết ông Chau My R có trình bày như sau: ông và bà Neàng M chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, khoảng năm 2008 thì bà Neàng M tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Ông yêu cầu bà Neàng M trả lại 09 chỉ vàng 24kara mà ông đã nạp tài đám cưới thì ông mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Chau R, sinh ngày 09-02-2004 và Chau C, sinh ngày 26-5-2005. Hiện giờ do mẹ của Neàng M nuôi dưỡng, tùy theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai cũng được.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 18-8-2020, cháu Chau C khai: Cha mẹ tôi là Neàng M và Chau My R, nếu cha mẹ ly hôn thì tôi có nguyện vọng được sống với mẹ là Neàng M.

Tại bản tự khai ngày 18-8-2020, cháu Chau R khai: Cha mẹ tôi là Neàng M và Chau My R, nếu cha mẹ ly hôn thì tôi có nguyện vọng được sống với mẹ là Neàng M.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét thấy, Bà Neàng M và ông Chau My R sống chung vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn và theo lời khai của ông Chau My R thể

hiện trong hồ sơ cũng phù hợp với ý kiến trình bày của bà Neàng M về thời gian ly thân từ năm 2008 đến nay. Tuy nhiên, theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận bà Neàng M và ông Chau My R là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Chau R, sinh ngày 09-02-2004 và Chau C, sinh ngày 26-5-2005. Hiện do bà Neàng M nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Chau My R cấp dưỡng. Nhận thấy, từ khi ly thân đến nay bà M vẫn làm tròn nghĩa vụ nuôi con, hơn nữa nguyện vọng của hai cháu muốn được sống với mẹ, đề nghị giao hai con cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông My R không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà M không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ông Chau My R có yêu cầu bà Neàng M phải trả lại 09 chỉ vàng 24kara là số vàng nạp tài đám cưới. Ngày 18-8-2020 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn có thông báo số 01/TB-TA yêu cầu ông Chau My R nộp đơn yêu cầu đòi tài sản, thông báo đã tổng đạt hợp lệ nhưng ông Chau My R không nộp đơn yêu cầu để Tòa án xem xét thụ lý theo quy định của pháp luật, vì vậy không có cơ sở để xem xét. Ông My R có quyền tự thỏa thuận giải quyết với bà M, nếu không thỏa thuận được thì ông có quyền khởi kiện bà M theo trình tự tố tụng dân sự ở một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Chau My R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nguyên đơn bà Neàng M vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Chau My R đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông My R là có căn cứ.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau My R có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp SL, xã LPi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: bà Neàng M và ông Chau My R chung sống với nhau như vợ chồng từ 2003 nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình thì “*Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Neàng M và ông Chau My R theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Chau R, sinh ngày 09-02-2004 và Chau C, sinh ngày 26-5-2005. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay bà M luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ nuôi con và Cháu Rít và Chi đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Hơn nữa, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập và không làm ảnh hưởng đến đời sống tâm sinh lý của các cháu, cần tiếp tục giao các con chung cho bà Neàng M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà Neàng M không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Neàng M và ông Chau My R không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về án phí: bà Neàng M khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch.

Đối với việc của ông Chau My R yêu cầu bà Neàng M trả lại 09 chỉ vàng 24kara là số vàng nạp tài đám cưới. Xét thấy, đây là yêu cầu đòi tài sản nên Tòa án đã ra thông báo số 01/TB-TA ngày 18-8-2020 yêu cầu ông My R bổ sung đơn yêu cầu đòi tài sản và cung cấp chứng cứ, thông báo đã tổng đạt hợp lệ cho ông Chau My R vào ngày 22-8-2020, hết thời hạn ông Chau My R vẫn không bổ sung đơn yêu cầu nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết. Ông My R có quyền tự thỏa thuận giải quyết với bà M, nếu không thỏa thuận được thì ông có quyền khởi kiện bà M theo trình tự tố tụng dân sự ở một vụ kiện khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Tuyên bố không công nhận bà Neàng M và ông Chau My R là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Chau R, sinh ngày 09-02-2004 và Chau C, sinh ngày 26-5-2005 cho bà Neàng M tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Chau My R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Neàng M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Chau My R quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Neàng M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2019/0000223 ngày 12-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Neàng M đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã Lê Trì;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Văn Hùng